TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-PT
Ngày 14 - 4 - 2023
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga;

Ông Hồ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 03 năm 2023, về việc "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản*".

Do Bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 17, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

**Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn*: Ông Trần Việt H, sinh năm 1966; địa chỉ: X, đường C, khu dân cư M, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (giấy ủy quyền ngày 03/5/2019) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1977 và bà **Nguyễn Thu T1**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công an huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn An B – Trưởng Công an huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số X, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền bà G: Ông Trần Việt H, sinh năm 1966; (giấy ủy quyền ngày 03/5/2019) (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019; đơn khởi kiện về việc bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 03/3/2020 của ông Nguyễn Ngọc T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Việt H trình bày:

Vào năm 2013 ông có vay của ông T 360.000.000 đồng với lãi suất là 3%/tháng nhưng do làm ăn thua lỗ không có khả năng trả vốn và lãi cho ông T nên vào ngày 13/9/2014 ông T ngang nhiên chiếm giữ trái phép chiếc ghe gỗ biển kiểm soát số ST05875 của ông với mục đích là để siết nợ vốn và lãi suất cho vay. Nhưng trước đó, ngày 28/7/2014 vợ chồng ông đã bán lại chiếc ghe nêu trên cho ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh T với giá 650.000.000 đồng để khấu trừ số tiền mà vợ chồng ông đã hỏi mượn vốn làm ăn của ông N, bà T trước đây. Do chiếc ghe nêu trên bị ông T chiếm giữ trái phép nên ông N, bà T mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T trả lại chiếc ghe cho ông N, bà T nhưng yêu cầu đó của ông N, bà T không được Tòa án chấp nhận với lý do về mặt pháp lý chiếc ghe nêu trên vẫn thuộc sở hữu của vợ chồng ông cụ thể bản án số 11 ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện L và bản án phúc thẩm số 251 ngày 15/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 31/01/2019 vợ chồng ông lấy lại chiếc ghe.

Do ông bị lâm vào cảnh khốn khó nên từ khi Tòa án xét xử, vợ chồng ông đi làm thuê kiếm sống cho qua ngày nên không có khởi kiện tại Tòa án và trong khoảng thời gian ông T, bà Thảo chiếm giữ ghe đã gây thiệt hại cho gia đình ông.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thu T1 cùng Công an huyện L phải bồi thường cho ông số tiền 525.000.000 đồng do thu nhập bị mất tính từ ngày 13/9/2014 đến ngày 31/01/2019 là 04 năm, 04 tháng, 18 ngày tổng cộng là 52,5 tháng với mức thiệt hại là 10.000.000 đồng/tháng. Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Việt H yêu cầu ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thu T1 cùng Công an huyện L phải bồi thường cho ông Ngọc T số tiền 560.000.000 đồng do thu nhập bị mất tính từ ngày 13/9/2014 đến ngày 10/6/2019 là 04 năm, 08 tháng tổng cộng là 56 tháng với mức thiệt hại là 10.000.000 đồng/tháng.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thu T1 trình bày:

Vào năm 2013 ông Ngọc T, bà G có vay của ông, bà số tiền 360.000.000 đồng. Khi không có tiền trả nên vào ngày 13/9/2014 ông Ngọc T, bà G tự nguyện giao cho ông, bà chiếc ghe gỗ biển kiểm soát số ST05875 do ông Nguyễn Ngọc T làm chủ sở hữu, khi giao không có giấy tờ và hứa khi nào có tiền sẽ thanh toán cho ông bà và ông bà sẽ trả ghe. Sau đó, ông N, bà T có làm đơn gởi Công an huyện L về hành vi chiếm giữ ghe của ông T. Tuy nhiên, khi không có dấu hiệu tội phạm, Công an huyện L ra quyết định không khởi tố vụ án và đến ngày 20/12/2014 Công an huyện L giao trả chiếc ghe cho ông T và ngày 16/01/2015 Tòa án huyện L đã ra bản án số 01/2015/DS-ST trong đó ghi nhận sự tự nguyện của ông bà về việc giao trả ghe cho ông Ngọc T, ông Ngọc T thống nhất, không có ý kiến gì. Nay ông bà không đồng ý với yêu cầu của ông Ngọc T vì việc ông quản lý ghe do Công an huyện L tự nguyện giao, không phải ông chiếm giữ nên ông không đồng ý bồi thường.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an huyện L trình bày:

Vào ngày 10/12/2014 Công an huyện L có nhận đơn tố cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T về tranh chấp tài sản là ghe gỗ số hiệu ST 05875, số máy Yanmar 2737, trọng tải 43 tấn với ông Nguyễn Quốc T nên Công an huyện L có lập biên bản tạm giữ đối với chiếc ghe gỗ trên để phục vụ hoạt động kiểm tra, xác minh.

Sau quá trình kiểm tra, xác minh xét thấy nội dung tố cáo không có dấu hiệu tội phạm nên ban hành quyết định không khởi tố vụ án và ngày 20/12/2014 Công an huyện L đã giao lại tài sản là chiếc ghe gỗ trên cho ông T quản lý (vì khi tạm giữ chiếc ghe từ ông T) nhằm phục vụ cho việc khởi kiện dân sự tại Tòa án nhân dân. Nay Công an huyện L không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T vì Công an huyện L không có lỗi.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, án sơ thẩm tuyên như sau:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc T; bà Nguyễn Thu T1 và Công an huyện L phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 26.250.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/01/2023, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Việt H gửi đơn kháng cáo thông qua đường bưu chính cho Tòa án cấp sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Với lý do: Cấp sơ thẩm kết luận trong bản án không phù hợp với tình tiết, sự việc khách quan của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo: yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Việt H, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 04/01/2023 Tòa án nhân dân huyện L tuyên án. Khi xét xử nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; Đến ngày 28/01/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo và gửi qua đường bưu chính; Tại giấy xác nhận đã nhận đơn kháng cáo số 03/GB-TA ngày 30/01/2023; Thông báo số 03/TB-TA ngày 30/01/2023,về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Thông báo kháng cáo số 03/TB-TA ngày 06/02/2023. Đến ngày 02/03/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án số 34 đối với các đương sự nêu trên.

[2] Tại phiên tòa hôm nay đại diện Công an huyện L có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thu T1 vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Việt H gửi thông qua đường bưu chính đến Tòa án nhân dân huyện L vào ngày 28/01/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Trần Việt H kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do

đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

* Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Việt H yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy:

[2] Theo đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thu T1 cùng Công an huyện L phải bồi thường cho ông số tiền 525.000.000 đồng do thu nhập bị mất tính từ ngày 13/9/2014 đến ngày 31/01/2019 là 04 năm, 04 tháng, 18 ngày tổng cộng là 52,5 tháng với mức thiệt hại là 10.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông Trần Việt H yêu cầu ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thu T1 cùng Công an huyện L phải bồi thường cho ông số tiền 560.000.000 đồng do thu nhập bị mất tính từ ngày 13/9/2014 đến ngày 10/6/2019 là 04 năm, 08 tháng, tổng cộng là 56 tháng với mức thiệt hại là 10.000.000 đồng/tháng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận vì yêu cầu nêu trên vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị Thu Thảo cùng Công an huyện L phải bồi thường cho ông số tiền 525.000.000 đồng do thu nhập bị mất tính từ ngày 13/9/2014 đến ngày 31/01/2019 là 04 năm, 04 tháng, 18 ngày tổng cộng là 52,5 tháng với mức thiệt hại là 10.000.000 đồng/tháng là có cơ sở.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Việt H cho rằng ông Nguyễn Ngọc T có một chiếc ghe gỗ biển kiểm soát số ST05875 và vào ngày 13/9/2014 ông T quản lý ghe. Sau đó ông T giao lại cho Công an huyện L quản lý và đến ngày 20/12/2014 Công an huyện L giao chiếc ghe gỗ biển kiểm soát số ST05875 do ông Nguyễn Thanh Tân làm chủ sở hữu cho ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thu T1 quản lý. Bị đơn ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thu T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phản đối nội dung trình bày nêu trên của nguyên đơn ông Ngọc T. Cho nên, tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật là đúng quy định.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Việt H yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an huyện L phải bồi thường cho ông Ngọc T số tiền là 525.000.000 đồng tính từ ngày 13/9/2014 đến ngày 31/01/2019 là 04 năm, 04 tháng, 18 ngày do bị đơn chiếm giữ trái phép ghe của ông. Bị đơn cho rằng ông Nguyễn Ngọc T tự đem ghe lại, hành vi của ông T đã được Công an huyện L ra Quyết định không khởi tố vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý bồi thường vì cho rằng đã giao trả ghe cho ông T là hợp pháp.

[6] Xét thấy,vào năm 2013 ông Ngọc T, bà G có vay tiền của ông T hai lần với tổng số tiền là 360.000.000 đồng, khi đến hạn không thực hiện và ông T khởi kiện ra Tòa án, được Tòa án nhân dân huyện L thụ lý số 76 ngày 03/10/2014 (thời điểm này ông T đang quản lý chiếc ghe trên cụ thể là ngày 13/9/2014).

[6.1] Tại bản án sơ thẩm số 01/2015/DS -ST ngày 16/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện L tại phần Quyết định ghi: *"Đối với chiếc ghe tải bằng gỗ tải trọng 43 tấn, số đăng ký ST – 05875 do ông Nguyễn Ngọc T đứng tên ông Nguyễn Quốc T tự nguyện giao trả cho ông Nguyễn Ngọc T, ông Ngọc T thống nhất, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên"*. Ngày 26/01/2015 ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị Trúc G kháng cáo.

[6.2] Tại bản án phúc thẩm số 126 ngày 27/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phần nhận định bản án ghi: *"Đối với phần kháng cáo của các bị đơn Tân và Giang về việc buộc nguyên đơn Thanh phải trả lại chiếc ghe và bồi thường thiệt hại về mất thu nhập và các thiết bị trên ghe nếu có hư hại. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Thanh đồng ý giao trả chiếc ghe tải biển kiểm soát số ST-05875 và bị đơn Tân đồng ý nhận lại ghe và không có yêu cầu gì khác, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định công nhận sự thỏa thuận về việc nguyên đơn Thanh giao trả chiếc ghe cho bị đơn Tân là đúng quy định của pháp luật…"* và tại phần quyết định của bản án nêu trên xác định: *"Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Nguyễn Ngọc T (Tuân) và Nguyễn Thị Trúc G; Các phần khác trong phần Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm nêu trên không bị cải sửa, không ghi trong phần Quyết định này, có hiệu lực pháp luật"*.

[6.3] Ngoài ra, tại biên bản phiên tòa ngày 14/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện L ông Nguyễn Ngọc T thừa nhận: *"H: Về phần chiếc ghe hiện nay ông T đang quản lý ông T có thỏa thuận trả lại cho ông không? Đ: Có nhưng do tôi chưa lo được tiền để trả nợ cho ông T nên tôi chưa dám tới nhận ghe; H: Nay ông T thống nhất giao trả chiếc ghe lại cho ông, ông có đồng ý không, Đ: Tôi đồng ý; H: Ông có yêu cầu Tòa án tiến hành định giá tài sản chiếc ghe trong vụ án này không? Đ: Không. Vì ông T đã thỏa thuận với tôi xong việc giao trả ghe nhưng tôi chưa đi nhận ghe được; H: Về thời gian, địa điểm giao nhận ghe ông có ý kiến như thế nào? Đ: Chúng tôi sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết"*.

[6.4] Mặt khác, tại đơn xin trình báo ngày 24/9/2014 do ông Nguyễn Quốc T cung cấp đã nêu: *"Anh Nguyễn Ngọc T ở ấp 2 xã Châu Khánh huyện L tỉnh Sóc Trăng. anh tân có thiếu tiền tôi là Nguyễn Quốc T với số tiền là 360.000.000 đồng (ba trăm sáu chục triệu đồng) ngày 13.09.2014 anh Nguyễn Ngọc T có tự nguyện trại chiếc ghe xuống để thế chấp cho tôi chiếc ghe khoảng 50 tấn, biển số 05875.."* có sự chứng kiến của người làm chứng ông Thạch Khánh, Bùi Thị Huệ, Nguyễn Văn Tân và xác nhận của ban nhân dân ấp ông Nguyễn Hùng Sơn.

[6.5] Theo biên bản xác minh ngày 17/3/2016 ông Nguyễn Hùng S đại diện ban nhân dân ấp T khai nhận *"Vào ngày 13/9/2014 ông có chứng kiến việc ông Nguyễn Ngọc T chạy chiếc ghe gỗ mang biển số V83-04062- LST05875 đến neo đậu trên đoạn sông phía trước nhà ông T để thế chấp cho ông T. Sau đó đến*

ngày 24/9/2014 trong đơn trình báo của ông T gửi ban nhân dân ấp Tân Lập thì ông có ký xác nhận với tư cách làm chứng" và phù hợp với biên bản xác minh ngày 17/3/2016 đối với ông Thạch K, bà Bùi Thị H, ông Nguyễn Văn T.

[6.6] Tại biên bản lời khai ngày 24/12/2014 tại Công an huyện L ông Nguyễn Ngọc T khai nhận *"Riêng phần tôi về tiền của của chị Tiền và anh Thanh tôi sẽ trả, còn chiếc ghe ST05875 nay tôi còn đứng tên là chủ sở hữu ghe nhưng tôi đã bán cho chị Tiền rồi nên tôi không có ý kiến gì về chiếc ghe nêu trên, bản thân tôi không đòi lại ghe gỗ ST05875".* Mặt khác, tại công văn số 51 ngày 28/02/2020 (Bút lục 07) của Chi cục thi hành án dân sự huyện L xác định: Ngày 20/02/2019 ông T tự nguyện giao chiếc ghe cho Chi cục thi hành án để tiến hành kê biên, xử lý để đảm bảo việc thi hành bản án phúc thẩm số 126 ngày 27/5/2015 và bản án số 01 ngày 16/01/2015. Sau khi kê biên, xử lý Chi cục thi hành án tạm giao cho ông T tiếp tục bảo quản. Chiếc ghe nêu trên đã được Thông báo bán đấu giá thành vào ngày 31/5/2019. Ngày 21/6/2019 Chi cục thi hành án tiến hành tổ chức giao lại cho người mua trúng đấu giá là ông Nguyễn Hữu Tánh theo quy định; và đồng thời ngày 12/8/2022 Tòa án ban hành thông báo bổ sung tài liệu, chứng cứ yêu cầu ông Ngọc T cung cấp chứng cứ về việc chiếm giữ ghe trái phép nhưng ông không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh ông T có chiếm giữ ghe trái phép từ ngày 13/9/2014 đến ngày 31/01/2019.

[6.7] Từ phân tích nêu trên thấy rằng, tại bản án sơ thẩm số 01 ngày 16/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện L đã ghi nhận chiếc ghe tải bằng gỗ tải trọng 43 tấn, số đăng ký ST – 05875 do ông Nguyễn Ngọc T đứng tên ông Nguyễn Quốc T tự nguyện giao trả cho ông Nguyễn Ngọc T, ông Ngọc T thống nhất, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên và quyết định trên có hiệu lực pháp luật thi hành đây là những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và ông Ngọc T không thực hiện quyền nhận ghe theo thỏa thuận hai bên; căn cứ vào lời khai của ông Ngọc T, ông đồng ý và không có ý kiến phản đối gì; ông T cung cấp cho Tòa án đơn trình báo xác định do ông Ngọc T chạy ghe lại đậu nhà ông.

[6.8] Vào năm 2014 sau khi tiếp nhận tin báo của ông N và bà T thì cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành điều tra làm rõ, xét thấy do tính chất vụ việc là các thỏa thuận dân sự nên sự việc là có thật nhưng hành vi không cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự và Cơ quan điều tra ban hành Quyết định không khởi tố vụ án ngày 06/01/2015. Bên cạnh đó, khi chiếc ghe giao cho ông T quản lý từ ngày 13/9/2014, ngày 10/12/2014 ông T giao cho Công an huyện L tạm giữ. Đến ngày 20/12/2014 Công an huyện L lập biên bản giao chiếc ghe cho ông T quản lý do khi thu giữ là từ ông T, do không có dấu hiệu tội phạm và ngày 20/02/2019 ông T tự nguyện giao chiếc ghe cho Chi cục thi hành án để bán đấu giá và đã bán đấu giá để đảm bảo thi hành án theo bản án cho ông T nhưng ông Ngọc T không phản đối hay khiếu nại. Do đó, đối chiếu với Điều 604 Bộ luật dân sự năm 2005 và Mục 1 Phần I Nghị quyết 03/2006/NQ – HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng hành vi của ông T không làm phát sinh

trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên việc ông Ngọc T yêu cầu ông T, bà Thảo và Công an huyện L phải liên đới bồi thường 525.000.000 đồng do chiếm giữ ghe trái phép là không có căn cứ. Từ đó tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Việt H không có cơ sở, cho nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, cho nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc T; bà Nguyễn Thu T1 và Công an huyện L phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông 525.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 26.250.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

II/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số

0006875 ngày 06/02/2023 (ông Trần Việt H nộp) của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông Ngọc T đã thực hiện xong án phí phúc thẩm.

3/ Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Tòa DS;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũ